

**BIỂU SỐ 01: CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH XÃ TÂN THÀNH NĂM 2026***(Kèm theo Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Tân Thành)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>45.875.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>6.500.000.000</b>	
-	Thuế giá trị gia tăng	5.984.000.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.000.000	
-	Thuế tài nguyên	150.000.000	
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>2.000.000.000</b>	
<b>3</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>30.000.000.000</b>	
<b>4</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>45.000.000</b>	
<b>5</b>	<b>Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>	<b>30.000.000</b>	
<b>6</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>5.600.000.000</b>	
<b>7</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>600.000.000</b>	
-	Phí, lệ phí trung ương	179.000.000	
-	Phí, lệ phí địa phương	421.000.000	
	<i>Trong đó: + Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>100.000.000</i>	
<b>8</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>1.100.000.000</b>	
-	Thu khác ngân sách trung ương	110.000.000	
-	Thu khác ngân sách địa phương	990.000.000	
	<i>Trong đó: + Thu tiền bảo vệ đất trồng lúa</i>	<i>500.000.000</i>	
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NSDP HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>167.425.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu NSDP hưởng 100%</b>	<b>14.956.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>6.500.000.000</b>	
-	Thuế giá trị gia tăng	5.984.000.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.000.000	
-	Thuế tài nguyên	150.000.000	
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>2.000.000.000</b>	
<b>3</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>45.000.000</b>	
<b>4</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>5.600.000.000</b>	
<b>5</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>321.000.000</b>	
-	Phí, lệ phí địa phương	421.000.000	
	<i>Trong đó: + Trừ khoản thu Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>100.000.000</i>	
<b>6</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>490.000.000</b>	
-	Thu khác ngân sách địa phương (Không tính khoản thu tiền bảo vệ đất trồng lúa 100 trđ)	990.000.000	
	<i>Trong đó: + Trừ khoản Thu tiền bảo vệ đất trồng lúa</i>	<i>500.000.000</i>	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>10.225.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>	<b>25.000.000</b>	
<b>2</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>10.200.000.000</b>	
<b>III</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>142.244.000.000</b>	
1	Bổ sung cân đối	90.485.000.000	
2	Bổ sung có mục tiêu	51.759.000.000	
a	Bổ sung có mục tiêu nguồn NSTW	12.672.000.000	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ghi chú
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng</i>	12.400.000.000	
-	<i>Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa</i>	272.000.000	
	Bổ sung có mục tiêu nguồn NS cấp tỉnh	39.087.000.000	
IV	Thu từ nguồn cải cách tiền lương	0,0	
V	Thu từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	0,0	
VI	Thu từ nguồn kết dư ngân sách	0,0	
VII	Thu từ chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	0,0	
<b>C</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>167.425.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>12.200.000.000</b>	
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền sử dụng đất	10.200.000.000	
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung	2.000.000.000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>100.645.000.000</b>	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	69.943.000.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	709.000.000	
3	Chi thường xuyên còn lại	29.993.000.000	
<b>III</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>51.759.000.000</b>	
1	Chi vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách (Từ nguồn bổ sung có mục tiêu nguồn NSTW)	12.672.000.000	
2	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Từ nguồn bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách cấp tỉnh)	39.087.000.000	
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2.821.000.000</b>	

**167.425.000.000**  
**25.181.000.000**  
**142.244.000.000**









